

# MARKET INSIGHTS REPORTS

12/10/2023

TO HIT A HOME RUN (THÀNH CÔNG MỸ MÃ  
NHƯNG KHÔNG CẦN ĐẦU TƯ QUÁ NHIỀU)



## NHỊP ĐẬP THỊ TRƯỜNG

VN-Index đóng cửa giao dịch tạo thành mẫu hình giao dịch “Black Candle”. Khối lượng giao dịch tăng và nằm dưới mức trung bình 20 ngày. Giá tăng khối lượng tăng về lý thuyết là tín hiệu tốt nhưng độ rộng thị trường không cho chúng ta thấy điều này.

Các điểm cần lưu ý: (i) VN-Index tiến gần kháng cự MA(20) và chúng ta thấy dấu hiệu chốt lời bắt đầu xuất hiện. (ii) Dòng tiền đang bắt đầu lan tỏa ở cả các ngành dự báo kinh doanh tốt như hóa chất, bán lẻ, VGI và những ngành có Beta cao như bất động sản hay cả những cổ phiếu mang tính đầu cơ cao như OGC, QCG và cân bằng ở nhóm họ VINCOM... Đây là tín hiệu tốt. (iii) Về lý thuyết sóng, chỉ số đang có sóng 4 đối kháng tăng giá trong 5 sóng giảm giá. Kháng cự tiềm năng là 1,160 – 1,165 điểm và VN-Index cần bứt phá khỏi vùng kháng cự này để xác nhận xu hướng tăng quay trở lại. (iv) Mốc hỗ trợ tiếp theo sẽ là vùng MA(200) tương ứng với 1,106 điểm và 1,080 điểm (Khoảng trống giá xác định xu hướng tăng giá trung hạn của VN-Index). Với các nhà đầu tư giao dịch theo chúng tôi có hướng dẫn 3 cách xác định điểm mua như hình bên.

Theo phương pháp phân tích “Price Action” với VN30 chúng ta có 10 mã cho tín hiệu mua, 02 mã cho tín hiệu bán, 18 mã cho tín hiệu đi ngang. MBB, VPB, VIB, STB, GVR, VHM, SHB, FPT, VIC... cho tín hiệu tích cực.

Theo thống kê định lượng, với mẫu hình hôm nay thì phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index có xác suất tăng điểm là 50% và 43.7% giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa. Dựa trên thống kê, chỉ số sẽ giao dịch giằng co không rõ tăng hay giảm vào ngày mai với giá đóng cửa thấp hơn giá mở cửa. Kháng cự là 1,165 điểm. Hỗ trợ là 1,080 – 1,106 điểm.

### Hỗ trợ và kháng cự cổ phiếu trong ngày (EOD)

### Các cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến trong ngày

### Danh mục cổ phiếu đáng quan tâm vào ngày mai

### Biểu đồ trong ngày:

- Chỉ số P/E và P/B toàn thị trường trong 1 năm qua;
- Độ rộng thị trường 1 năm qua;

**TTCK Mỹ:** Dự báo các chỉ số sẽ giảm điểm vào tối nay.

## CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

### THỊ TRƯỜNG TRONG NGÀY



### ĐỘ RỘNG THỊ TRƯỜNG

#### HOSE

Tổng số cổ phiếu giao dịch	550
Số cổ phiếu không có giao dịch	41
Số cổ phiếu tăng giá	242 / 40.95%
Số cổ phiếu giảm giá	226 / 38.24%
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	123 / 20.81%

#### HNX

Tổng số cổ phiếu giao dịch	233
Số cổ phiếu không có giao dịch	97
Số cổ phiếu tăng giá	83 / 25.15%
Số cổ phiếu giảm giá	89 / 26.97%
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	158 / 47.88%

#### UPCOM

Tổng số cổ phiếu giao dịch	335
Số cổ phiếu không có giao dịch	524
Số cổ phiếu tăng giá	150 / 17.46%
Số cổ phiếu giảm giá	108 / 12.57%
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	601 / 69.97%

### GIAO DỊCH NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

#### HOSE

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	30,533,137	50,653,253	-20,120,116
% KL toàn thị trường	4,72%	7,83%	
Giá trị	777,16 tỷ	1434,81 tỷ	-657,65 tỷ
% GT toàn thị trường	5,61%	10,35%	

#### HNX

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	1,086,000	413,340	672,660
% KL toàn thị trường	1,09%	0,41%	
Giá trị	39,34 tỷ	11,40 tỷ	27,93 tỷ
% GT toàn thị trường	2,04%	0,59%	

#### UPCOM

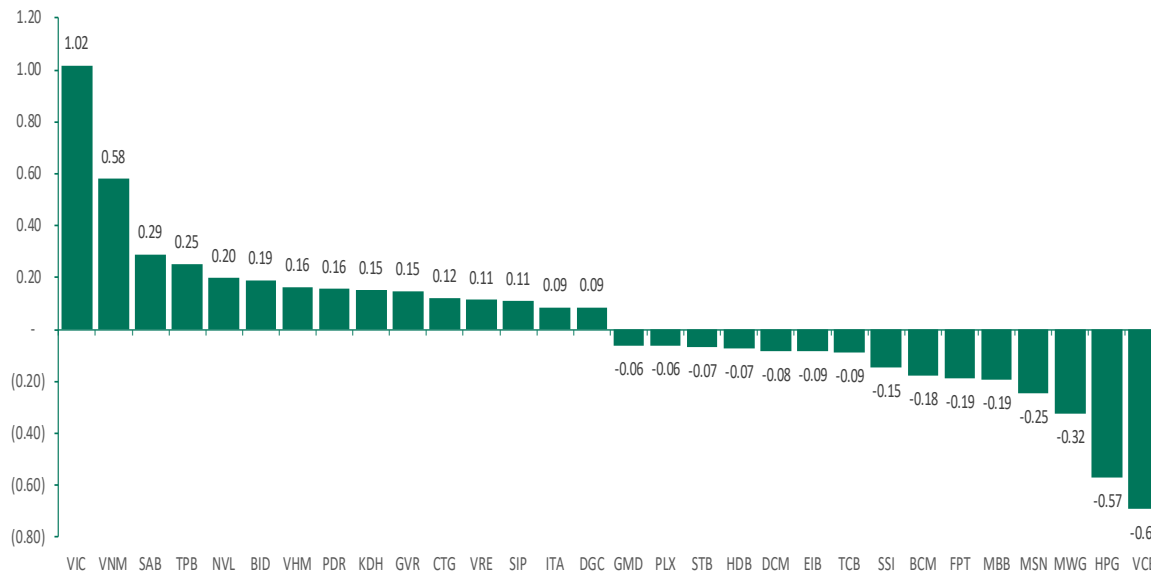
	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	253,780	748,640	-494,860
% KL toàn thị trường	0,68%	2,01%	
Giá trị	10,71 tỷ	26,36 tỷ	-15,66 tỷ
% GT toàn thị trường	1,90%	4,68%	

## CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG (TT)

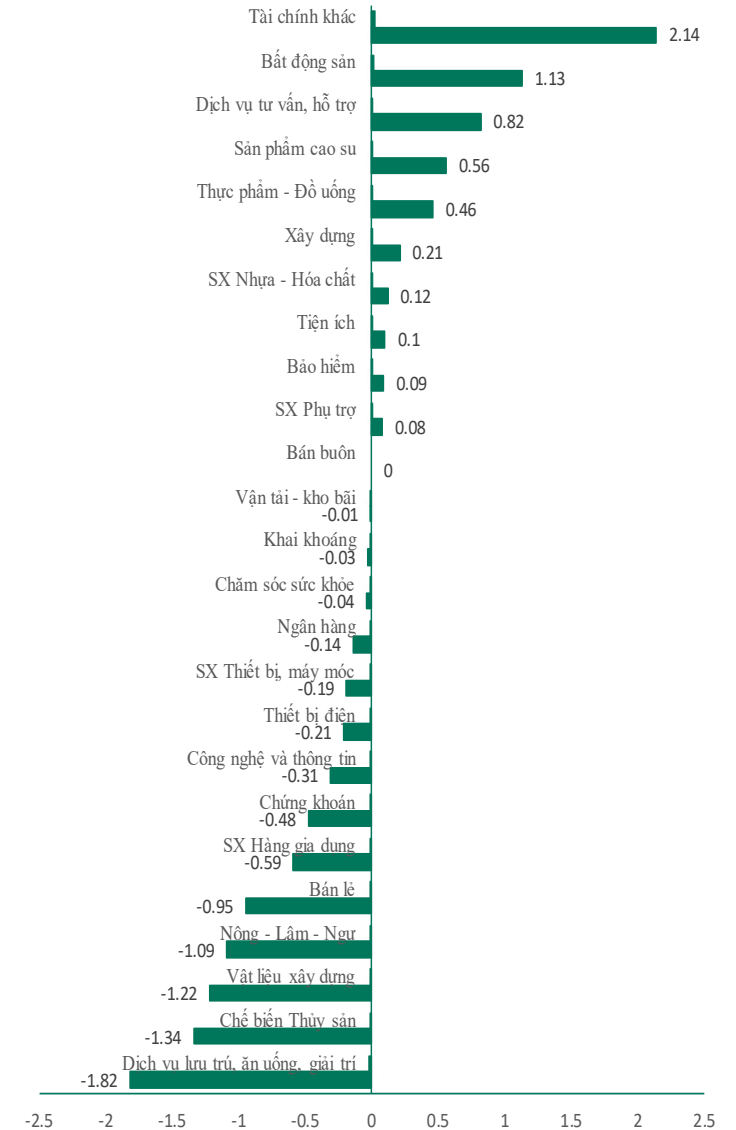
### TOP 10 VỐN HÓA

STT	Mã CK	KL	Giá	Thay đổi	P/E	P/B	EPS	Vốn hóa
1	VCB	714,100	86,000	-500 (-0.58%)	14.77	3.16	5,821	480,662
2	BID	1,015,900	42,150	150 (0.36%)	13.49	1.87	3,125	213,217
3	VHM	2,450,500	47,550	150 (0.32%)	7.18	1.22	6,621	207,050
4	GAS	639,900	86,000	0 (0%)	11.24	2.93	7,649	197,520
5	VIC	7,710,800	46,500	1,050 (2.31%)	19.65	1.29	2,367	177,348
6	VNM	2,534,800	75,500	1,100 (1.48%)	20.79	4.30	3,632	157,792
7	HPG	22,054,300	25,800	-400 (-1.53%)	17.77	1.53	1,452	150,021
8	VPB	10,399,300	21,850	50 (0.23%)	8.04	1.37	2,718	147,344
9	CTG	2,092,400	29,600	100 (0.34%)	8.48	1.20	3,491	142,250
10	FPT	1,881,200	96,400	-600 (-0.62%)	21.77	4.28	4,429	122,425

### TOP CÁC CỔ PHIẾU ẢNH HƯỞNG TỚI CHỈ SỐ VN-INDEX



### TĂNG GIẢM CHỈ SỐ NGÀNH TRONG NGÀY



## TTCK VIỆT NAM: To hit a home run (Thành công mỹ mãn mà không cần đầu tư quá nhiều)

### Góc nhìn giao dịch thị trường

Chỉ số VN-Index đóng cửa tăng 7.12 điểm (+ 0.62%) trong ngày hôm nay. Hôm nay có vài điểm đáng lưu ý như sau:

**(1) Tài chính khác, bất động sản, dịch vụ tư vấn hỗ trợ, sản phẩm cao su, thực phẩm đồ uống, xây dựng, sản xuất nhựa hóa chất, tiện ích, bảo hiểm... là nhóm tăng giá nhiều nhất trên sàn trong ngày.** Đà tăng được dẫn dắt bởi các cổ phiếu như OGC, VHM, VIC, VRE, KBC, KDH, DXG, CEO, TV2, CSM, DRC, SRC, VNM, SAB, REE, HUT, HHV, DPG, GVR, DGC, IDC, BVH, BMI, BIC ... Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) VRE tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Black Candle”;
- ✓ Giá tăng nhưng khối lượng giao dịch giảm – Tín hiệu không tốt;
- ✓ Sau khi phá vỡ mẫu hình tam giác vận động từ tháng 12/2022 tới nay, cổ phiếu đang tăng trở lại. Hỗ trợ của mô hình tam giác hiện tại là kháng cự của cổ phiếu tương ứng với vùng giá 28;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 54%;

(ii) VNM tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “White Opening Marubozu”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Giá phục hồi tốt từ hỗ trợ MA(200) tuy nhiên đang đối mặt với kháng cự MA(20) và MA(50). Thường thì cổ phiếu sẽ gặp khó khăn trong lần thử thách đầu tiên;
- ✓ Hiện tại mẫu hình của VNM là một dạng thức đi ngang. Về cơ bản giao dịch theo bộ tín hiệu MA sẽ không có nhiều ý nghĩa trong xác định xu hướng;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 59%;

(iii) IDC tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “White Opening Marubozu”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tốt;
- ✓ Giá thiết lập mốc cao mới – Tín hiệu tốt;
- ✓ Dải băng trên đang mở ra hỗ trợ giá lên – Tín hiệu tốt;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 64%;

(iv) BMI tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Black Opening Marubozu”;
- ✓ Giá tạo thành nền phẳng quanh MA(200) – Tín hiệu tốt;
- ✓ RSI(14) Break out – Tín hiệu tốt;

- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tốt;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 58%;

**(2) Dịch vụ lưu trú ăn uống và giải trí, chế biến thủy sản, vật liệu xây dựng, nông lâm ngư, bán lẻ... là nhóm giảm giá nhiều nhất trong ngày.** Đà giảm được dẫn dắt bởi các cổ phiếu như OCH, VNG, SDA, VHC, ANV, IDI, FMC, HPG, NKG, HT1, HAG, VIF, ASM, MWG, SVC... Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) NKG giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Black Candle”;
- ✓ Giá đang hình thành mẫu hình vai đầu vai ở đỉnh. Do vậy để xóa mẫu hình tiêu cực này cổ phiếu cần vượt kháng cự MA(20) là 21;
- ✓ Ước lãi Q3/2023 của NKG khoảng 120 tỷ đồng;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 55%;

(ii) HAG giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Long Black Candle”;
- ✓ Mô hình hai đỉnh hình thành trong tháng 8/2023 đã có Break Down đường Confirmation Line. Hiện giá đang tăng trở lại và đường Confirmation Line trở thành đường kháng cự của cổ phiếu;
- ✓ 4 cây nến giao dịch quanh kháng cự hiện đang cho tín hiệu bán;
- ✓ Chúng tôi lưu ý HAG là một trong những công ty có chất lượng báo cáo tài chính tệ nhất trên sàn. Do vậy, giao dịch cổ phiếu này mang tính đầu cơ cao;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 61%;

(iii) IDI giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Long Black Candle”;
- ✓ Giao dịch đi ngang với hỗ trợ là 12.8 và kháng cự là 15.1;
- ✓ Dải băng và khối lượng thu hẹp lại cùng cổ xu hướng này;
- ✓ Kết quả kinh doanh Q3/2023 dự kiến sẽ khả quan khi thủy sản đang có tín hiệu phục hồi tốt. Doanh số xuất khẩu tháng 7 và tháng 8 lần lượt là 55 và 64 triệu đô cao hơn con số xuất khẩu trung bình 29 triệu đô trong Q2/2023;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 52%;

(iv) MWG giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Long Black Candle”;
- ✓ Giá giảm khối lượng tăng – Tín hiệu tiêu cực;
- ✓ Cổ phiếu đang trong xu hướng giảm giá từ tháng 9 với mức cao thấp dần và mức thấp cũng xuống theo;
- ✓ Áp lực bị loại khỏi danh mục ETF Dimond đang là nguyên nhân đẩy giá cổ phiếu đi xuống – Nhà đầu tư nên chờ đợi đợt tái cơ cấu hãy tham gia dò đáy;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 54%;

**Phân tích kỹ thuật**

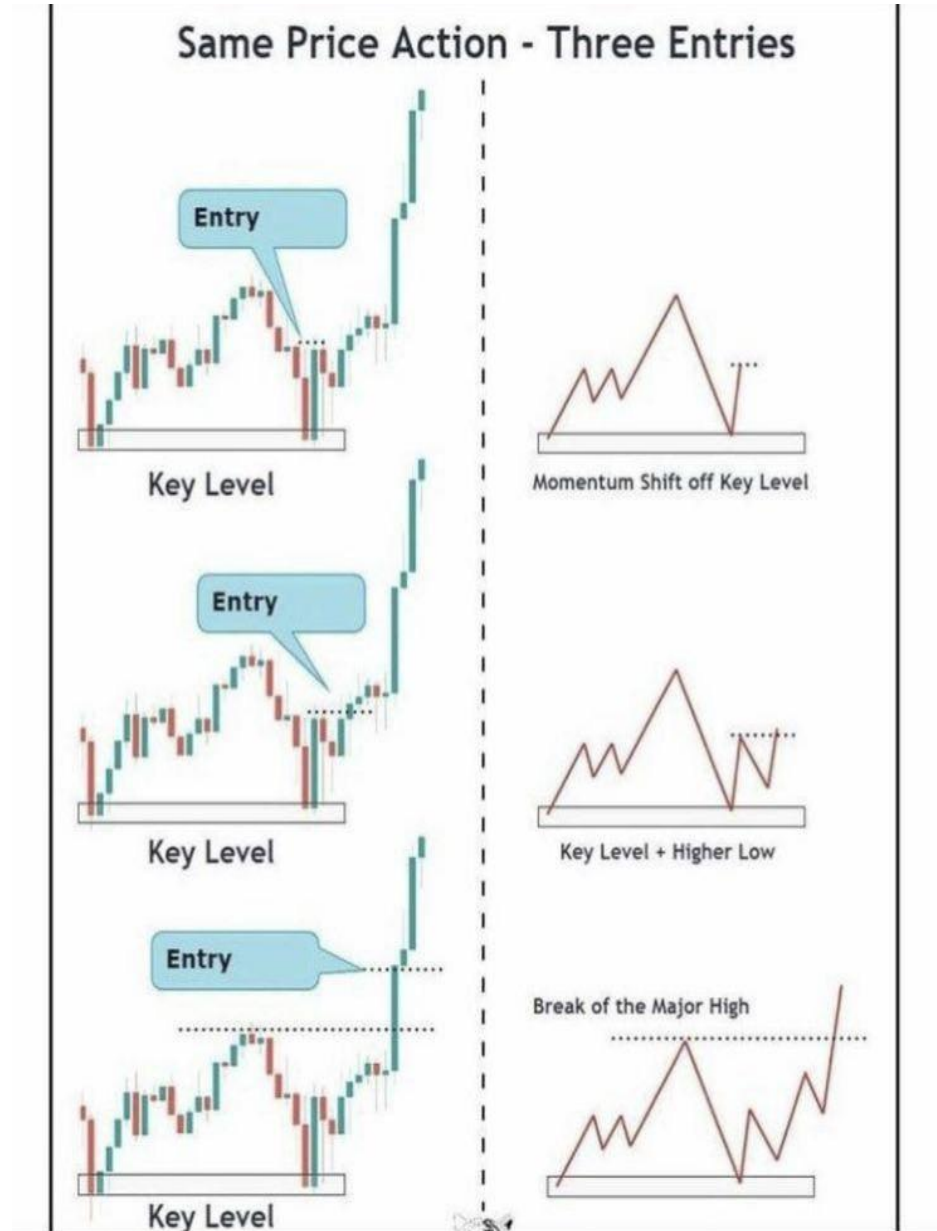
VN-Index đóng cửa giao dịch tạo thành mẫu hình giao dịch “Black Candle”. Khối lượng giao dịch tăng và nằm dưới mức trung bình 20 ngày. Giá tăng khối lượng tăng về lý thuyết là tín hiệu tốt nhưng độ rộng thị trường không cho chúng ta thấy điều này.

Các điểm cần lưu ý: (i) VN-Index tiến gần kháng cự MA(20) và chúng ta thấy dấu hiệu chốt lời bắt đầu xuất hiện. (ii) Dòng tiền đang bắt đầu lan tỏa ở cả các ngành dự báo kinh doanh tốt như hóa chất, bán lẻ, VGI và những ngành có Beta cao như bất động sản hay cả những cổ phiếu mang tính đầu cơ cao như OGC, QCG và cân bằng ở nhóm họ VINCOM... Đây là tín hiệu tốt. (iii) Về lý thuyết sóng, chỉ số đang có sóng 4 đối kháng tăng giá trong 5 sóng giảm giá. Kháng cự tiềm năng là 1,160 – 1,165 điểm và VN-Index cần bứt phá khỏi vùng kháng cự này để xác nhận xu hướng tăng quay trở lại. (iv) Mốc hỗ trợ tiếp theo sẽ là vùng MA(200) tương ứng với 1,106 điểm và 1,080 điểm (Khoảng trông giá xác định xu hướng tăng giá trung hạn của VN-Index). Với các nhà đầu tư giao dịch theo chúng tôi có hướng dẫn 3 cách xác định điểm mua như hình bên.

Theo phương pháp phân tích “Price Action” với VN30 chúng ta có 10 mã cho tín hiệu mua, 02 mã cho tín hiệu bán, 18 mã cho tín hiệu đi ngang. MBB, VPB, VIB, STB, GVR, VHM, SHB, FPT, VIC... cho tín hiệu tích cực.

Theo thống kê định lượng, với mẫu hình hôm nay thì phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index có xác suất tăng điểm là 50% và 43.7% giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa. Dựa trên thống kê, chỉ số sẽ giao dịch giằng co không rõ tăng hay giảm vào ngày mai với giá đóng cửa thấp hơn giá mở cửa. Kháng cự là 1,165 điểm. Hỗ trợ là 1,080 – 1,106 điểm.

**Biểu đồ chỉ số VN-Index**



## HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY

Ticker	Pivot	BC	TC	NarrowRange	R1	R2	R3	R4	S1	S2	S3	S4
HNX30	505.27	505.05	505.49	YES	510.49	515.27	520.49	525.27	500.49	495.27	490.49	485.27
HNXINDEX	238.45	238.46	238.45	YES	239.96	241.47	242.98	244.49	236.94	235.43	233.92	232.41
UPINDEX	87.94	87.88	88.01	YES	88.29	88.49	88.84	89.04	87.74	87.39	87.19	86.84
VN30	1166.5	1167	1166	YES	1171.1	1176.6	1181.1	1186.7	1161	1156.4	1150.9	1146.4
VNINDEX	1152.2	1152.4	1151.9	YES	1156.2	1160.8	1164.8	1169.4	1147.6	1143.5	1139	1134.9
VNXALL	1869.4	1870.3	1868.4	YES	1877.5	1887.5	1895.6	1905.7	1859.3	1851.2	1841.2	1833.1
VN30F1M	1162.8	1163.5	1162.2	YES	1167.6	1173.6	1178.4	1184.4	1156.8	1152	1146	1141.2
VN30F1Q	1158.2	1159.4	1156.9	NO	1160.6	1165.6	1168	1173	1153.2	1150.8	1145.8	1143.4
VN30F2M	1162.3	1163.8	1160.8	NO	1167	1174.8	1179.5	1187.3	1154.5	1149.8	1142	1137.3
VN30F2Q	1157	1158.7	1155.4	NO	1161.1	1168.4	1172.5	1179.8	1149.7	1145.6	1138.3	1134.2
BCM	67.63	67.65	67.62	YES	68.17	68.73	69.27	69.83	67.07	66.53	65.97	65.43
ACB	22.7	22.7	22.7	YES	22.9	23.1	23.3	23.5	22.5	22.3	22.1	21.9
BID	42.15	42.15	42.15	YES	42.4	42.65	42.9	43.15	41.9	41.65	41.4	41.15
BVH	42.67	42.67	42.66	YES	42.78	42.92	43.03	43.17	42.53	42.42	42.28	42.17
CTG	29.57	29.55	29.58	YES	29.78	29.97	30.18	30.37	29.38	29.17	28.98	28.77
GVR	20.92	20.95	20.88	NO	21.08	21.32	21.48	21.72	20.68	20.52	20.28	20.12
FPT	96.73	96.9	96.57	NO	97.47	98.53	99.27	100.33	95.67	94.93	93.87	93.13
GAS	85.8	85.7	85.9	NO	86.6	87.2	88	88.6	85.2	84.4	83.8	83
HDB	17.53	17.55	17.52	YES	17.67	17.83	17.97	18.13	17.37	17.23	17.07	16.93
HPG	25.9	25.95	25.85	NO	26.2	26.6	26.9	27.3	25.5	25.2	24.8	24.5
MBB	18.42	18.45	18.38	NO	18.48	18.62	18.68	18.82	18.28	18.22	18.08	18.02
MSN	73.4	73.55	73.25	NO	73.8	74.5	74.9	75.6	72.7	72.3	71.6	71.2
MWG	48.7	48.85	48.55	NO	49.2	50	50.5	51.3	47.9	47.4	46.6	46.1
PLX	36.92	37.03	36.81	NO	37.28	37.87	38.23	38.82	36.33	35.97	35.38	35.02
POW	11.47	11.48	11.46	YES	11.53	11.62	11.68	11.77	11.38	11.32	11.23	11.17
SAB	68.67	68.55	68.78	NO	69.13	69.37	69.83	70.07	68.43	67.97	67.73	67.27
SSB	24.8	24.83	24.78	NO	24.95	25.15	25.3	25.5	24.6	24.45	24.25	24.1
SHB	10.92	10.95	10.88	NO	10.98	11.12	11.18	11.32	10.78	10.72	10.58	10.52
SSI	33.7	33.75	33.65	NO	34	34.4	34.7	35.1	33.3	33	32.6	32.3
TCB	32.62	32.67	32.56	NO	32.73	32.97	33.08	33.32	32.38	32.27	32.03	31.92
STB	31.62	31.63	31.61	YES	31.93	32.27	32.58	32.92	31.28	30.97	30.63	30.32
TPB	17.05	16.98	17.13	NO	17.35	17.5	17.8	17.95	16.9	16.6	16.45	16.15
VHM	47.63	47.67	47.59	YES	47.92	48.28	48.57	48.93	47.27	46.98	46.62	46.33
VCB	86.13	86.2	86.07	YES	86.77	87.53	88.17	88.93	85.37	84.73	83.97	83.33
VIB	19.65	19.65	19.65	YES	19.75	19.85	19.95	20.05	19.55	19.45	19.35	19.25
VIC	97.53	97.45	97.62	YES	98.17	98.63	99.27	99.73	97.07	96.43	95.97	95.33
VIC	46.53	46.55	46.52	YES	47.27	48.03	48.77	49.53	45.77	45.03	44.27	43.53
VPB	21.78	21.75	21.82	NO	21.97	22.08	22.27	22.38	21.67	21.48	21.37	21.18
VRE	27.23	27.25	27.22	YES	27.42	27.63	27.82	28.03	27.02	26.83	26.62	26.43
VNM	75.3	75.2	75.4	NO	76.1	76.7	77.5	78.1	74.7	73.9	73.3	72.5

## CÁC CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

Ticker	Volume	AvgVolume 10 Days	Change %	Daily Returns %
MWG	13,700,700	5,815,950	236	-1.83
ITA	12,257,400	3,475,780	353	6.03
IDC	8,282,600	2,907,110	285	4.51
TLD	3,107,900	250,150	1,242	6.87
<b>DVM</b>	<b>2,400,700</b>	<b>1,014,130</b>	<b>236.73</b>	<b>0.62</b>
VGI	1,973,300	544,350	363	4.62
BOT	1,953,800	476,340	410	2.44
<b>ABS</b>	<b>1,783,500</b>	<b>764,860</b>	<b>233.18</b>	<b>-0.77</b>
OGC	1,765,100	597,740	295	6.88
QNS	1,308,000	532,730	246	-0.6
<b>VHE</b>	<b>1,225,900</b>	<b>261,210</b>	<b>469.32</b>	<b>-2.7</b>
HAX	1,152,800	364,080	317	2.03
DHC	1,003,100	284,710	352	4
VNE	979,600	459,010	213	-0.87
TV2	825,200	304,620	271	1.86
<b>FID</b>	<b>615,700</b>	<b>282,590</b>	<b>217.88</b>	<b>3.85</b>
LGL	554,700	141,190	393	6.92
TEG	548,400	131,030	419	-6.92
ELC	533,200	216,890	246	2.65
YEG	462,400	213,730	216	-6.88
<b>DCL</b>	<b>421,100</b>	<b>132,010</b>	<b>318.99</b>	<b>1.1</b>
ITQ	398,700	161,880	246	3.57
SRA	380,700	172,510	221	0
CTF	380,400	177,050	215	3.7
KSQ	376,000	95,760	393	4.55
<b>BMP</b>	<b>374,100</b>	<b>171,790</b>	<b>217.77</b>	<b>-1.6</b>
NDN	366,200	111,260	329	4.95
BCM	296,700	134,100	221	-1.02
PCH	292,300	103,960	281	-5.88
BNA	284,400	104,050	273	-4.63
SIP	283,000	41,150	688	3.8
HID	231,600	71,790	323	1.89
DBD	190,000	81,680	233	0.85
SDA	172,600	79,380	217	-1.39
WSS	152,400	62,400	244	2.94
ITS	149,100	15,070	989	4.35
SD5	144,400	23,150	624	2.7
CLX	142,500	47,190	302	-1.38
DII	125,600	61,580	204	0
LSG	106,000	39,970	265	9.57

- Resistance và Support: Là các hỗ trợ và kháng cự trong ngày của cổ phiếu. Nhà đầu tư khi mua bán thì cần theo các vùng giá hỗ trợ hay kháng cự.
- Pivot: Là nơi xác nhận xu hướng đảo chiều của cổ phiếu.

- Lưu ý: MWG ... bùng nổ khối lượng giao dịch

## DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÁNG QUAN TÂM VÀO NGÀY MAI

Ngày khuyến nghị	Mã CK	Khuyến nghị hành động	Giá mua/bán	Hiệu suất sinh lời	Ghi chú
11-Oct	VGI	Mua	≤ 26.5	10% -20%	Cổ phiếu có Break out kênh giảm giá/ Chúng tôi ước tính VGI sẽ lãi hơn 1000 tỷ trong Q3/2023
11-Oct	FTS	Mua	≤ 47.5	10% -20%	Cổ phiếu hình thành sóng 5 tăng giá
11-Oct	GEX	Mua	≤ 22	10% -20%	Mô hình hai đáy có Break out

### Các lưu ý cần chú ý:

- Hôm nay chúng tôi **KHÔNG MỞ MUA CỔ PHIẾU**;
- Hỗ trợ ngắn hạn là vùng giá 1,080 – 1,106 điểm.
- Kháng cự là vùng giá 1,165 điểm;
- Nhà đầu tư hãy đặt các lệnh Trailing Stop và dừng lỗ để quản trị danh mục lúc này. Việc dò đáy cần thận trọng dù xác suất tăng lại khi chạm hỗ trợ đang gia tăng.
- Dù VN-Index chưa xác nhận đáy nhưng một số mã cổ phiếu đã có tín hiệu mua vào tốt lúc này. Nhà đầu tư có thể giải ngân một phần tỷ trọng theo danh mục (20 – 30%);

### Tin tức kinh tế, vĩ mô

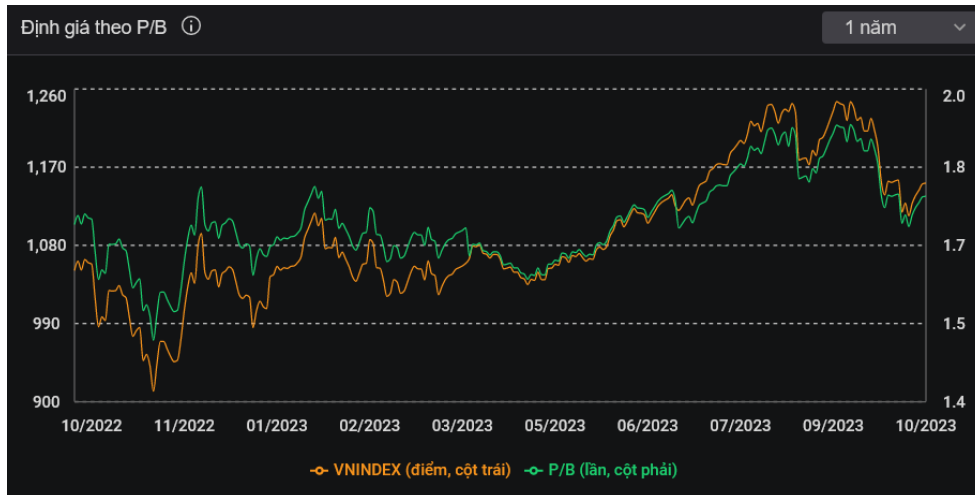
- Thị trường ngoại tệ:** Thị trường ngoại tệ: Phiên 11/10, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 24.065 VND/USD, tăng nhẹ 02 đồng so với phiên trước đó. Tỷ giá mua giao ngay được giữ nguyên niêm yết ở mức 23.400 VND/USD; tỷ giá bán giao ngay ở mức 25.218 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với trần tỷ giá. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên với mức 24.450 VND/USD, tiếp tục tăng 45 đồng so với phiên 10/10. Tỷ giá trên thị trường tự do không thay đổi ở cả hai chiều mua vào và bán ra, giao dịch tại 24.500 VND/USD và 24.550 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 11/10, lãi suất chào bình quân LNH VND giảm từ 0,27 – 0,32 đpt ở tất cả các kỳ hạn từ 1M trở xuống so với phiên trước đó, cụ thể: ON 0,41%; 1W 0,63%; 2W 0,93% và 1M 1,40%. Lãi suất chào bình quân LNH USD tăng 0,01 - 0,03 đpt ở tất cả các kỳ hạn; giao dịch tại: ON 5,04%; 1W 5,18%; 2W 5,26%, 1M 5,35%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp tăng ở các kỳ hạn 5Y và 15Y trong khi giảm ở các kỳ hạn còn lại, chốt phiên ở mức: 3Y 1,76%; 5Y 1,78%; 7Y 2,54%; 10Y 2,84%; 15Y 3,02%.
- Nghiệp vụ thị trường mở:** Phiên hôm qua, trên kênh cầm cố, NHNN chào thầu 1.000 tỷ đồng với kỳ hạn 07 ngày, lãi suất giữ ở mức 4,0%. Không có khối lượng trúng thầu, không có khối lượng lưu hành trên kênh cầm cố. NHNN chào thầu tín phiếu NHNN với kỳ hạn 28 ngày, đấu thầu lãi suất. Có 10.000 tỷ đồng tín phiếu trúng thầu với lãi suất giảm xuống mức 0,68%. Như vậy, NHNN hút ròng 10.000 tỷ đồng từ thị trường, đưa số tín phiếu lưu hành trên thị trường lên mức gần 165.700 tỷ đồng.

### Các thức chốt lời và dừng lỗ

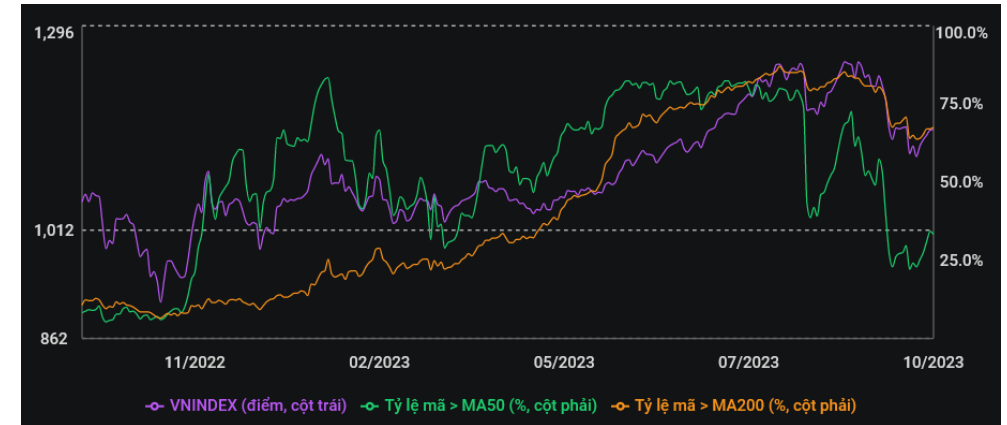
- Các mã trong danh mục chúng tôi khuyến nghị khi đạt hiệu suất sinh lời kỳ vọng nhà đầu tư có thể chốt lời hoặc đặt Trailing Stop (Các lệnh duy trì mức lãi mong muốn để đảm bảo tỷ lãi khi thị trường đảo chiều sau khi đã có lãi đạt kỳ vọng và để tài khoản nuôi lãi chạy).
- Nguyên tắc dừng lỗ. Nhà đầu tư có thể lựa chọn các nguyên tắc dừng lỗ sau tùy theo quan điểm lựa chọn:
- Đặt mức dừng lỗ bằng ½ mức lợi nhuận trung bình mà mình kiếm được hàng năm;
- Đặt mức dừng lỗ theo điểm “Uncle”: Ngưỡng mà bản thân không thể chịu đựng được;
- Đặt mức dừng lỗ 10% ;

## BIỂU ĐỒ TRONG NGÀY

Chỉ số P/E và P/B toàn thị trường trong 1 năm qua



Độ rộng thị trường 1 năm qua



**TTCK MỸ: Chờ đợi tin tức về CPI**

**Nasdaq trong giai đoạn củng cố**



**Vốn hóa nhỏ đang chịu áp lực điều chỉnh giảm khi thiết lập đáy mới**



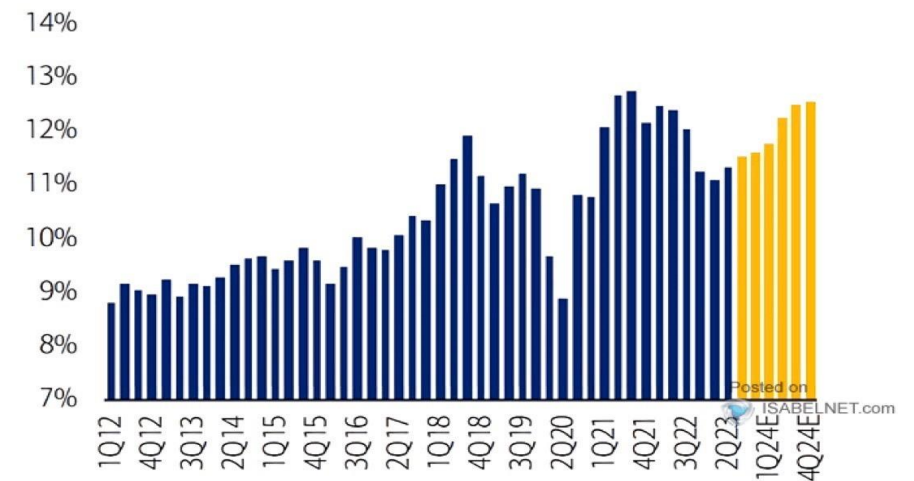
**S&P 500 và chỉ số đô la tương quan ngược chiều**



**Biên lãi ròng kỳ vọng sẽ tiếp tục mở rộng ?**

**Exhibit 20: Margins are expected to improve for the second straight quarter in 3Q**

S&P 500 quarterly net margins ex-Financials (2012-4Q24E)



Source: FactSet, BofA US Equity & Quant Strategy

**Kết luận:** Dự báo các chỉ số sẽ giảm điểm vào tối nay.

## KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

(\*)Bản quyền: Bản tin này được bảo vệ bản quyền Công ty Cổ phần Chứng Khoán Smart Invest bởi luật pháp Việt Nam và các luật lệ, công ước khác Mọi hình thức sao chép, tái bản, sử dụng trên các phương tiện truyền thông đối với Bản tin này cần được sự đồng thuận của Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Những dữ liệu trong Bản tin này được dựa trên và dẫn xuất từ những nguồn thông tin đại chúng và được cho là đáng tin cậy; tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm và cam kết về tính chính xác và thích hợp của các thông tin đó đối với mọi đối tượng người dùng Dữ liệu trong Bản tin có thể thay đổi mà không cần báo trước Bản tin được viết cho mục đích cung cấp thông tin, không bao gồm bất cứ một khuyến nghị mua bán nào hướng tới mọi loại công cụ tài chính và cam kết trong bất kỳ chiến lược giao dịch nào Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest miễn trách đối với mọi hình thức hiểu và sử dụng Bản tin.



### CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN SMART INVEST

Trung tâm nghiên cứu và phân tích

#### TRỤ SỞ CHÍNH:

Toà nhà Smart Invest, Số 222 Nguyễn Lương Bằng, P.Quang Trung , Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

**Tel:** 0243 – 5739779

**Fax:** 0243 – 5739769